

Bản án số: 106/2024/DSPT

Ngày: 20/9/2024

V/v: “*Tranh chấp HĐ vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam

Các Thẩm phán: Ông Ngô Xuân Ninh

Ông Hoàng Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 146/2024/TLPT- DS ngày 06/8/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2024/DS-ST ngày 02/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 146/2024/QĐ-PT ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1949 (Vắng mặt).

Ông Nguyễn Khắc H, sinh năm 1942 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố Đ, phường Đì, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th, ông H: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1972 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 55 đường V, khu phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Ông Ngô Sỹ T, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Bà Lê Thị Th, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố Tr, phường Ch, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngô Sỹ T: Luật sư Nguyễn Huy A –Văn phòng luật sư Huy An, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt).

Do có kháng cáo của bị đơn là bà Lê Thị Th, ông Ngô Sỹ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì có nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Khắc H trình bày: Do quan hệ quen biết với vợ chồng ông Ngô Sỹ T và bà Lê Thị Th, được biết ông Th, bà T kinh doanh buôn bán nên khi ông Th, bà T cần tiền để làm ăn có hỏi vay tiền của vợ chồng ông bà. Hai bên đã có quan hệ vay nợ từ năm 2017 nhưng đều đã thanh toán xong. Chỉ còn khoản vay vào ngày 29/01/2021 âm lịch với số tiền vay là 3.000.000.000đ. Khi vay bà Th là người trực tiếp nhận tiền tại nhà ông bà và viết giấy vay tiền. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nên không ghi trong giấy vay tiền. Những lần trả tiền lãi bà Th hoặc ông T hoặc con bà Th, ông T mang đến nhà ông bà trả. Từ tháng 10 năm 2023 đến nay ông Th, bà T không trả tiền cho ông bà nữa. Nay ông bà yêu cầu bà Th, ông T phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc là 3.000.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận từ ngày 02/10/2023 âm lịch đến nay tạm tính đến hết tháng 01/2024 âm lịch là 180.000.000đ.

Bị đơn là bà Lê Thị Th trình bày: Ngày 29/01/2021 bà có vay của ông H, bà Th số tiền 3.000.000.000đ. Việc vay nợ bà có viết giấy vay và bà là người ký nhận. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,8%/tháng (54 triệu đồng/tháng). Hàng tháng bà trả lãi cho bà Th tại nhà bà Th. Đến tháng 8/2023, bà Th đã giảm lãi xuống còn 1,5%/tháng (45.000.000đ/tháng). Bà đã trả lãi đến tháng 10/2023 âm lịch, từ đó đến nay không thanh toán được gì thêm. Đến nay bà Th yêu cầu vợ chồng bà trả số nợ gốc là 3.000.000.000đ và 180.000.000đ tiền lãi (04 tháng tiền lãi) tổng cộng là 3.180.000.000đ, bà xin trả dần tiền gốc không trả lãi vì hiện tại tình hình kinh tế của bà khó khăn không đủ khả năng trả lãi. Việc bà vay tiền bà Th ông T không biết vì vậy ông T không có trách nhiệm gì với khoản nợ này. Bà vay tiền của nhiều người và lại cho nhiều người khác vay để lấy lời, số tiền lời kiếm được phục vụ kinh tế gia đình ngoài ra không có mục đích gì khác. Do những người bà cho vay chưa thanh toán nên bà cũng không trả nợ được cho

một số người trong đó có bà Th, ông H. Bà kinh doanh tiền, ông T không biết bà vay cụ thể của ai và cũng không biết bà cho ai vay tiền. Trước năm 2008, ông T chồng bà làm nghề giết mổ lợn sau đó chuyển sang kinh doanh sắt thép xây dựng đến khoảng năm 2009 thì không kinh doanh nữa mà về chăn nuôi tại nhà.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên lời trình bày. Bị đơn là bà Th trình bày vợ chồng bà có một thửa đất tại khu công nghiệp Châu Khê hiện thế chấp vay tiền tại quỹ tín dụng Châu Khê với số tiền vay 1.300.000.000đ. Nếu bà Th đồng ý nộp số tiền 1.300.000.000đ trả quỹ tín dụng giải chấp tài sản này thì vợ chồng bà sẽ làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất trả nợ cho bà Th, ông H ngay với điều kiện bà Th đã thanh toán hết nợ cho bà Th, ông H thì bà Th ông H rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; khoản 3 Điều 68; khoản 2 Điều 71; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H, bà Nguyễn Thị Th. Buộc ông Ngô Sỹ T, bà Lê Thị Th phải trả cho ông Nguyễn Khắc H, bà Nguyễn Thị Th số tiền 3.341.649.000đ, gồm số nợ gốc là 3.000.000.000đ và số tiền lãi tính theo thỏa thuận 1,5%/tháng đến ngày 02/7/2024 là 341.649.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi bản án sơ thẩm xử ngày 15/7/2024, bị đơn là bà Lê Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm

Ngày 18/7/2024, bị đơn là ông Ngô Sỹ T kháng cáo toàn bộ bản án đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt, nhưng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn với lý do:

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đúng sự thật khách quan làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T vì ông T hoàn toàn không biết việc bà Th vay tiền của ông H và bà Th.

- Bà Th vay tiền để sử dụng vào mục đích các nhân chứ không dùng vào mục đích chung của gia đình nên ông T không có nghĩa vụ cùng bà Th thanh toán khoản nợ cho ông H và bà Th.

- Việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất từ ngày 03/11/2023 là không có căn cứ vì không có sự thỏa thuận về ngày thanh toán lãi cụ thể nên Tòa án thành phố Từ Sơn xác định lãi vay từ ngày 03/11/2023 là không phù hợp.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Th, ông Ngô Sỹ T nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Ngày 29/01/2021 âm lịch giữa vợ chồng bà Th, ông H có cho bà Th vay số tiền 3.000.000.000đ. Khi vay, giữa hai bên có viết giấy vay tiền và giấy vay tiền này bà Th đã ký. Cả bà Th, ông H cũng như bà Th đều thừa nhận giữa hai bên vay có lãi suất nhưng không ghi trong giấy vay tiền. Sau khi vay, bà Th có trả lãi cho vợ chồng bà Th, ông H đến tháng 10 năm 2023 thì không trả được lãi nữa. Do đó, vợ chồng bà Th, ông H khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Th, ông T phải trả ông bà số tiền gốc là 3.000.000.000đ và tiền lãi tính

đến ngày xét xử sơ thẩm. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi bản án sơ thẩm xử, bị đơn là bà Th, ông T kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của ông T, bà Th Hội đồng xét xử thấy: Ngày 29/01/2021 âm lịch bà Th có ký vào giấy vay tiền với nội dung vay của ông H, bà Th số tiền 3.000.000.000đ. Giữa hai bên đều thừa nhận vay có lãi suất. Theo bà Th trình bày thời điểm ban đầu vay bà vay với lãi suất 1.8%/tháng sau đó đến tháng 8 năm 2023 bà Th đã giảm lãi suất xuống cho bà còn 1,5%/tháng. Còn bà Th trình bày từ khi cho vay đến nay giữa vợ chồng bà và bà Th thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Như vậy, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất lãi vay tại thời điểm khởi kiện là 1.5%/tháng nên bản án sơ thẩm xác định lãi suất là 1,5%/tháng là đúng quy định của pháp luật.

Bà Th trình bày bà vay tiền để cho những người khác vay lại và bà dùng số tiền lãi kiếm được phục vụ kinh tế gia đình ông T chồng bà không biết việc bà vay tiền của bà Th. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành đi lấy lời khai của ông T xong không ông T từ chối khai báo nên không lấy lời khai của ông T được. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bà Th có thể khẳng định mục đích bà Th vay tiền của bà Th, ông H là để cho vay lại kiếm lời, số tiền kiếm lời được phục vụ vào kinh tế của gia đình nên bản án sơ thẩm buộc bà vợ chồng bà Th, ông T cùng có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Th, ông H số tiền gốc và lãi là đúng quy định của pháp luật.

Bà Th, ông T kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho kháng cáo của ông bà là có căn cứ nên cần bác toàn bộ kháng cáo của bà Th, ông T. Tuy nhiên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có lãi suất, nhưng cấp sơ thẩm tuyên: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên có nghĩa vụ chậm trả riền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là chưa đúng với Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do vậy cần sửa bản án sơ thẩm về phần tuyên lãi suất.

Do kháng cáo không được chấp nhận tuy nhiên bản án sơ thẩm bị sửa nên ông T, bà Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm, xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; khoản 3 Điều 68; khoản 2 Điều 71; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H, bà Nguyễn Thị Th. Buộc ông Ngô Sỹ T, bà Lê Thị Th phải trả cho ông Nguyễn Khắc H, bà Nguyễn Thị Th số tiền 3.341.649.000đ, gồm số nợ gốc là 3.000.000.000đ và số tiền lãi tính theo thỏa thuận 1,5%/tháng đến ngày 02/7/2024 là 341.649.000đ.

Kể từ ngày 03/7/2024, ông Ngô Sỹ T, bà Lê Thị Th tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo lãi suất hai bên đã thỏa thuận là 1,5%/tháng trên tổng số tiền chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ông Nguyễn Khắc H, bà Nguyễn Thị Th.

2. Về án phí: Ông T, bà Th phải chịu 98.833.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Th, ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Th, ông T mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003831 ngày 18/7/2024 và 0003829 ngày 15/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND TP Từ Sơn;
- Chi cục THADS TP Từ Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Nam